

Cha Vô Danh  
Chuyện kể cuộc đời một người Việt lai Pháp  
<https://phamjngocjlaan.wordpress.com/>

\* Tựa của nhà văn Đỗ Quý Toàn

Phần 1 : Thời thơ ấu (trước 1962)  
(từ đoạn 1 đến đoạn 27)

Phần 2 : Trong cơn lốc của lịch sử (1962-1975)  
(từ đoạn 28 đến đoạn 44)

Phần 3 : Cuộc đời đời (1975-1980)

45. Bức điện tín

46. Rã hàng

47. Những dòng cuối cùng của một trang sử

48. Bắt đầu cuộc đời đời

49. Một tháng rưỡi để trấn an

50. Làm cách nào để người ta ngoan ngoãn bước vào trại tù mặc dù không biết trước ngày về ?

51. Mười ngày đầu tiên của chương trình học tập cải tạo mười ngày

52. Khai lý lịch

53. Bốn mươi một ngày ổn định chỗ ăn chỗ ở

54. Trại cải tạo Long Khánh

55. Mười bài học chính trị

56. Trại Sóng Thần Thủ Đức

57. Tâm sự một người vợ tù cải tạo

58. Tiếp tục cuộc đời đời

59. Bộ đội trên ghé giảng đường đại học

60. Thống nhất đất nước và ba đồng thác cách mạng

61. Bao cấp

62. Một chuyến đi nhớ đời

63. Thêm hai cái tang

64. Một « thị thực định cư »

65. Vượt biên

(còn nữa)

## 65. Vượt biên

Một buổi sáng đẹp trời, Long đang loay hoay khóa chiếc xe đạp trong nhà để xe hai bánh của trường Dược thì gặp anh bạn thân trước đây cùng trại cải tạo và được về 2 ngày trước Long. Anh H. tốt nghiệp trước Long mấy năm và dạy ở trường khá lâu rồi, tính tình bất thiệp dễ mến nên quen biết hầu như tất cả mọi người cũ cũng như mới trong trường. Anh ghé tai Long nói nhỏ : « Bà B. đi thoát rồi ! »

B. cũng thuộc « đội ngũ cán bộ giảng dạy » của trường Dược, chị có tiếng là « thân cách mạng », ngược lại với đa số thờ ơ với chính quyền mới, nếu không phải là ngấm ngấm chê trách. Chị nghỉ bệnh từ một tuần nay, và bây giờ thì có lời đồn đại to nhỏ là chị đã « đến được bến bờ tự do » rồi. Chị đã vượt biên thành công. Không biết cái mác « thân cách mạng » của chị là thật hay chỉ là đóng kịch để dễ thực hiện ý định vượt biên của mình, chỉ biết chị là người đầu tiên trong trường Dược thành công trong ý định này.

Và chị cũng sẽ không phải là người cuối cùng. Trong năm 1977 còn hiếm, qua 78 và 79 rất nhiều người trong ban giảng huấn cũ của trường Dược cũng lần lượt ra đi, kể cả anh bạn H. của Long. Vào trường, ngày nào Long cũng chứng kiến cảnh các đồng nghiệp xầm xì nhỏ to, ông X xin phép về quê ba ngày rồi, không biết có « kẹt » hay « thoát », bà Y nghỉ bệnh mà không ai biết dưỡng bệnh ở đâu, Rạch Giá hay Vũng Tàu... Người ta xin nghỉ phép đi thăm người thân ở xa, nếu về lại trường đúng ngày thì « chắc là giờ chót bị trục trặc không đi được vì đã hỏi lộ cho công an xã này rồi nhưng lại bị công an xã bên cạnh phá », đâu biết là người đó đi thăm bà con thật ! Nếu hết phép không thấy về thì « chắc là thoát rồi ». Phòng tổ chức xóa sổ người đó trong biên chế. Có khi biết chắc là thoát vì đã có điện tín báo về cho người thân hoặc bạn thân còn ở lại, có khi vài tháng sau lại thấy người đó phát phơ trên đường phố Sài Gòn, thì ra bị công an gài bẫy bắt ngay tại chỗ hẹn để lên tàu ! Thế là nằm tù vượt biên, rồi nếu có người thân còn tiền thì chạy chọt để được về lại. Về rồi lại phải lo tìm đường khác để đi, vì đã lỡ một lần rồi khó mà trở lại làm công nhân viên nhà nước.

Hiện tượng vượt biên có từ những ngày đầu sau khi Sài Gòn thất thủ. Nhiều người đã tìm cách chạy trước ngày 30 tháng 4 không thành công, sau đó tiếp tục tìm đường khác, nhưng số này rất ít so với số người ra đi những năm sau đó. Phong trào vượt biên chỉ bùng lên khi người dân phải chịu đựng những biện pháp khắc nghiệt của chính quyền mới. Đầu tiên là người ta thấy những người đi trình diện học tập cải tạo bị lừa vì tưởng là đi học tập một tháng cho cấp cao và 10 ngày cho cấp trung bình, thực chất là bị ở tù vô hạn định. Rồi đến chiến dịch đánh tư sản làm tê liệt tất cả nền kinh tế miền Nam phồn thịnh trước kia, bị tuyên truyền là « phồn vinh giả tạo », thay vào đó là một chế độ bao cấp khiến cho đời sống cơ cực, cái gì cũng thiếu thốn, cái gì cũng phải « lậu », phải « chui », kể cả gạo ăn hằng ngày.

Rồi ai cũng thấy rõ là những người miền Nam từng tham gia Mặt Trận Giải Phóng trước kia giờ đây được cho ngồi chơi xơi nước để những thành phần trung kiên của Đảng từ miền Bắc vào áp đặt « ba dòng thác cách mạng » lên toàn thể miền Nam. Những người đã tham gia cách mạng còn bị đối xử như thế thì số phận của phe thua trận ai cũng biết trước rồi. Dù có thiện chí muốn « xây dựng đất nước bằng năm bằng mười ngày xưa » cũng chẳng ai cho mình chỗ đứng xứng đáng để cống hiến hiểu biết và khả năng của mình. Đành phải đi thôi...

Có nhiều đường để vượt biên. Đa số là những « thuyền nhân » đi đường biển, hy vọng cập bến Thái Lan, hoặc Mã Lai, hoặc Indonesia, hay xa hơn nữa Phi Luật Tân hoặc Hồng Kông, và cả Úc Châu nữa, dù rất hiếm. Đầu tiên là « đi chui », người ta tìm mua lại tàu đánh cá biển, hoặc tự đóng tàu và tổ chức hoàn toàn bí mật, phải tính toán làm sao để qua mặt được công an. Rồi đến giai đoạn phải « mua bãi », tức là hỏi lộ công an địa phương tại một làng xã nào đó ven biển, công an sẽ làm nơ cho tàu đến đón người vượt biên tập trung trên một bãi. Sau nữa là đi « bán chính thức », người Việt phải làm giấy tờ giả là người Hoa<sup>1</sup>, công an tổ chức từ đầu đến cuối nên không sợ bị bắt. Ngoài ra còn có vượt biên bằng đường bộ, băng qua Campuchia để đến trại tị nạn ở Thái Lan.

Đó là chỉ nói ở miền Nam, còn miền Bắc sẽ có đợt vượt biên do chuyện Trung Quốc tố cáo Việt Nam « xua đuổi bài xích người Hoa ». Tình hình căng thẳng giữa Bắc Kinh và Hà Nội dẫn đến hai cuộc chiến tranh mới. Thứ nhất là mặt trận Campuchia cuối năm 1978 khi Việt Nam mang quân đến tận thủ đô Nam Vang đánh đuổi quân Khmer đỏ của Pol Pot và ở lại lâu dài<sup>2</sup>. Thứ hai là chiến tranh biên giới phía Bắc vào đầu năm 1979 khi Trung Quốc đem quân tràn qua hơn một ngàn cây số chiều dài, vào sâu mấy chục cây số tàn phá trong mấy tuần lễ, rút cuộc phải rút vì gặp sự chống trả mãnh liệt của Việt Nam<sup>3</sup>.

Trở lại chuyện vượt biên bằng đường biển, thảm cảnh của thuyền nhân không bút nào tả xiết, cuối cùng đã đánh động lương tâm của thế giới. Trong năm 1978, cơ quan UNHCR (United Nations High Commissioner for Refugees, Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc) đã tổ chức những trại tiếp đón người tị nạn ở các nước lân cận, như trại Songkhla ở Thái Lan, đảo Pulau Bidong ở Malaysia, đảo Galang ở Indonesia, v.v. Ngoài ra các cơ quan từ thiện quốc tế cũng phát động chiến dịch giúp người tị nạn, nổi tiếng nhất là hai chiếc tàu Ile de Lumière<sup>4</sup> (Đảo Ánh Sáng) của Pháp và Cap Anamur<sup>5</sup> của Đức, là hai tàu bệnh viện đồng thời cũng cứu vớt được nhiều thuyền nhân trên biển Đông trong giai đoạn cao điểm 1978-79.

Đã có rất nhiều tài liệu và sách vở viết về thảm cảnh vượt biên, về tất cả những khổ cực và nhục nhằn mà thuyền nhân đã phải gánh chịu. Con số thương vong trên đường vượt biên không ai biết chính xác, nhưng chắc chắn là nhiều, nhiều lắm. Có người đưa ra con số 30%, 40%, có khi lên đến 50%... Nếu chỉ tính một tỷ lệ tối thiểu là 10% đi nữa, thì cũng có nghĩa là đã có mấy chục ngàn người thiệt mạng, vì số lượng người vượt biên lên đến hàng trăm ngàn người.



Tàu Ile De Lumière (Đảo Ánh Sáng), một tàu bệnh viện treo cờ Pháp cứu giúp thuyền nhân Việt Nam (hình Internet).

Riêng Long cũng biết rõ một số nạn nhân là bạn bè và người quen. Người đầu tiên Long được nghe kể là Hòa, anh bác sĩ trước kia thời sinh viên ở cư xá Đắc Lộ, sau cùng chung trại cải tạo với Long nên rất thân nhau và được thả trước Long hai ngày. Anh Hòa cùng với con trai vượt biên đường bộ qua Campuchia đến được trại tị nạn Thái Lan thì chết trong trại vì bị bệnh do cơ thể yếu quá sau cả tháng cơ cực trên đường băng rừng. Một người nữa là đàn anh của Long trong ban giảng huấn của trường Dược đi theo diện bán chính thức, chiếc tàu nhỏ chất cả mấy trăm người, người quen đi cùng tàu kể lại một buổi sáng anh đi trên boong tàu chật ních người, lão đảo thế nào không biết mà ngã xuống biển mất xác. Một người khác cũng là bác sĩ, thân với Long từ thời cư xá sinh viên Đắc Lộ, các bạn cùng thời đều nhớ vì là người điều khiển ban hợp xưởng của cư xá, đi vượt biên một mình. Một hôm xác trôi giạt vào bờ biển Rạch Giá, người dân địa phương chôn ngay gần đấy. Có thể là tàu chìm vì bão táp, có thể là bị tàu của công an biên phòng phát hiện và đuổi bắn như đã có nhiều trường hợp như thế xảy ra, hay vì lý do gì khác, không ai biết được. Người vợ mà Long cũng quen được báo tin xuống tận nơi để nhận đúng là chồng mình. Thật là một phép lạ, làm cách nào để người vợ ở Sài Gòn biết được là xác chồng mình trôi giạt vào Rạch Giá? Sau này bên Pháp Long có gặp lại người vợ kể lại câu chuyện cảm động này.

Những câu chuyện chết chóc trên đường vượt biên nhiều lắm, Long cũng được nghe rất nhiều trong những năm 78, 79, 80. Đặc biệt có hai trường hợp thương tâm chàng không thể quên vì là hai người bạn thân của chàng. Thứ nhất là một chị bạn học trường Dược cùng khóa, có hai con trai, chồng bị tù cải tạo đã 4 năm rồi không thấy một hy vọng nào được về. Chị mang hai con vào thăm chồng trong trại tù (trong 4 tháng đầu Long còn trong trại cải tạo, chưa có chuyện cho gia đình vào « thăm nuôi », mãi về sau mới có chính sách này) và ngộ ý với chồng muốn mang con vượt biên, chồng đồng ý. Chị lên tàu mang theo một đứa con lên 7 tuổi, cùng với cô em mang theo cả hai đứa con của mình. Không ai biết số phận chiếc tàu ra sao, chỉ biết tất cả đều mất tích trên đại dương. Trường hợp thứ hai cũng tương tự, nhưng Long là bạn của chồng bị tù cải tạo. Vợ mang hai con trai 6 và 4 tuổi vào trại thăm, cũng ngộ ý vượt biên, chồng thấy tương lai của mình không biết có sống sót ra khỏi tù hay không, nghĩ đến tương lai của con nên đồng

ý. Khi chông ra khỏi tù mới biết tin cả ba mẹ con đã mất tích trên đường vượt biên. Suốt thời gian anh còn trong tù, cha mẹ anh chị em giấu không cho biết tin. Mãi sau này Long gặp lại bên Mỹ, thấy bạn mình đã trở lại cuộc sống bình thường, chứ anh kể thời gian đầu anh đau khổ điên cuồng gần như người mất trí.

Ngoài ra những chuyện « đi hụt » Long được nghe bạn bè « đi rồi lại về » kể cho nghe thì nhiều vô số ! Có thể bị người tổ chức lừa lấy tiền, đúng ngày hẹn đến bãi chẳng thấy ghe thuyền đâu, ban đêm tối mò mò bỗng có tin truyền miệng nhau « Chạy, chạy, bị công an phát hiện rồi ! » thế là mạnh ai nấy chạy, về đến nhà mừng quá không bị tù, dĩ nhiên tiền đặt cọc mất hết ! Có thể đã mua bãi, hỏi lộ công an địa phương, cuối cùng vẫn bị bắt bỏ tù, chẳng hiểu vì lý do gì, làm sao khiếu nại, khiếu nại với ai ? Vào tù nhiều quá không có chỗ chứa cũng sẽ được thả ra, nhưng ai có tiền chạy chọt thì ra sớm hơn, nếu không thì phải ở lâu hơn. Có trường hợp đau hơn là đã ra khơi rồi còn bị tàu công an rượt đuổi bắt lại. Đau hơn nữa là đã tới được một nước lân cận rồi bị chính quyền địa phương đuổi ra, cuối cùng không biết đi đâu đành... quay về. Về đến một bãi nào đó, nếu không tránh được công an thì đương nhiên vào tù, mà loại tù này trầm trọng hơn vì bị nghi là quay về để làm gián điệp. Tháng 10 năm 1975 có chiếc tàu Việt Nam Thương Tín chở khoảng 1600 người từ đảo Guam trở về, đến nơi vào thẳng trại giam luôn<sup>6</sup> !



Một chiếc ghe của thuyền nhân Việt Nam trưng bày tại thành phố Rennes của Pháp (hình Internet)

Với tất cả những nguy hiểm và rủi ro trên đường vượt biên như thế, tại sao người ta vẫn đi ? Long suy nghĩ nhiều về chuyện này, chàng thấy lý do chính là vì người ta không thấy một tương lai nào cho cuộc sống của mình và của con cháu mình trên chính đất nước của mình. Con người sống dù khổ cực đến đâu cũng phải được nuôi một hy vọng nào đó vào tương lai, hy vọng đời mình sau này sẽ khá hơn, và nhất là hy vọng đời con cháu mình sẽ khá hơn. Nếu không có một tia hy vọng nào thì cuộc sống chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Mà theo chính sách phân chia giai cấp của chính quyền cộng sản, những thành phần mang nhãn hiệu « Nguy » đừng hòng có một chân đứng xứng đáng trong xã hội mới, con cái của họ càng không biết tương lai sẽ ra sao. Vì vậy họ quyết định ra đi, nếu không có đường nào khác thì đành phải vượt biên dù biết có thể sẽ bỏ mình trên biển cả.

Đó cũng là cách suy nghĩ của gia đình Mai. Khi hai người em trai sinh đôi của nàng đến tuổi đi nghĩa vụ quân sự thì suy nghĩ đã biến thành hành động.

Một buổi sáng đẹp trời, công an đến tận nhà các em của Mai đưa giấy triệu tập hai cậu em đi nghĩa vụ quân sự. Hai cậu em đã biết trước sẽ đến phiên mình bị gọi nên từ cả tuần trước đã qua trú ẩn bên nhà Mai là chị cả, gia đình phải thay mặt người vắng mặt ký nhận giấy triệu tập. Lúc đó vừa xảy ra vụ đánh đuổi Pol Pot bên Campuchia, và những thanh niên ở miền Nam được gọi đi nghĩa vụ quân sự phần đông phải tham gia vào việc « bình định quân phiến loạn Khmer đỏ » trên mặt trận này. Cả nhà quyết định hai đứa em không trình diện, phải ẩn tránh cho tới khi tìm được đường vượt biên.



Mai là chị cả trong 8 chị em, hơn nữa nàng làm việc tại Đài Truyền Hình có giao thiệp rộng nên cả nhà tin tưởng nàng sẽ tìm ra « mối ». Thật ra mối cũng nhiều, cái khó là phải làm sao biết chắc là không bị lừa, và biết là tổ chức đảng hoàng đế tránh bị công an vây bắt. Một trở ngại khác là giá cả. Thời điểm 1979, trung bình từ 10 đến 12 « cây » vàng một người để vượt biên (không hiểu sao lúc đó không ai gọi là « lạng vàng » như trước mà ai cũng gọi là « cây » !). Ông cụ của Mai nghỉ hưu đầu năm 1975 lãnh tất cả tiền hưu một lúc và cho vào ngân hàng, thế là mất hết, tiền đâu mà có được 20 cây vàng cho hai cậu con trai vượt biên.

Nhưng trước khi lo chuyện tìm mối, việc cấp bách trước mắt là phải tìm gấp một nơi ẩn náu cho tới ngày vượt biên, vì không thể tiếp tục ở nhà hai vợ chồng Mai-Long, thế nào công an khu vực cũng đến tìm kiếm hai cậu em đã bị gọi đi nghĩa vụ quân sự. May phước có một nhà hàng xóm chỉ có hai chị em sống với nhau, lại là chỗ thân tình với Mai. Mai đề nghị ban đêm cho hai cậu em qua ngủ trên gác xếp, hai chị em vui vẻ nhận lời ngay. Thật là một thái độ can đảm đùm bọc lẫn nhau, vì nếu bị phát hiện hai chị em sẽ bị rất phiền toái.

Nhưng hai chị em cũng biết là tuy việc « quản lý » con người chặt chẽ như thế nào, vẫn có kẽ hở, và trong một thành phố rộng lớn như Sài Gòn, những kẽ hở này rất lớn. Hai cậu em có sổ hộ khẩu bên quận 10, trên đường vào Chợ Lớn, gia đình Long và Mai sống ở quận Bình Thạnh trên đường ra xa lộ Biên Hòa. Hai cậu em không trình diện để đi nghĩa vụ quân sự thì có giấy truy nã trong quận 10, quận Bình Thạnh không biết chuyện đó. Dân chúng đông như vậy, làm sao kiểm soát hết ? Tuy vậy Mai vẫn lo xa nên nàng đã nhờ thêm một cô bạn thân cho hai em trú ngụ tạm, do đó hai cậu nay ở chỗ này, mai ở chỗ khác và trước ngày lên tàu thì trốn tại nhà người quen khác gần với gia đình người tổ chức nên bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng ra đi. Mỗi khi nhớ tới chuyện này Mai đều mang ơn những bạn bè đã thương mình mà giúp hai em, những người thật can đảm. Thử hỏi nếu có chuyện không may xảy ra, công an bắt được hai cậu thì người chứa chấp không khỏi mang họa lớn. Gần 40 năm qua rồi, mỗi khi nhớ lại Mai đều thấy mình có phước có những người bạn đáng quý như thế.

Yên tâm được một chuyện, qua đến chuyện chính là tìm mối vượt biên. Mai có một đồng nghiệp trong Đài Truyền Hình tên Cang, nhưng trước 1975 hầu như chưa quen biết nhau, thế mà sau 1975 hai gia đình trở thành rất thân có lẽ vì cùng khổ như nhau. Năm 1977 anh Cang xin nghỉ làm ở đài để về miền Tây chuyên qua nghề... đánh cá, mặc dù trước kia anh thuộc gia đình khá giả chưa bao giờ phải « lao động chân tay » cả ! Anh mua lại một chiếc tàu đánh cá, chính thức đăng ký đi đánh cá và cùng với hai người em vợ ra khơi mỗi ngày, thường là phải mua lại cá của các ngư dân để khi về khỏi bị nghi ngờ. Tuy vậy, mọi người đều biết là mấy người này từ Sài Gòn xuống tỉnh là để tìm đường vượt biên, vì lúc đó phong trào vượt biên đang lên mạnh. Sau một thời gian dò đường đi nước bước, thủy triều lên xuống vào lúc nào, đồn công an canh gác ra sao, mùa nào biển lặng, đêm nào không trăng, v.v. Và cuối cùng thay vì đi đánh cá thì mang cả gia đình đi vượt biên. Nhưng... bị lộ, thế là phải vào tù, tàu bị tịch thu. Cũng phải chạy chọt mới được thả ra.

Đã có kinh nghiệm, lần sau anh Cang quyết định không về tỉnh nữa, mà tổ chức đi ngay từ Sài Gòn, và thuê người đóng tàu mới. Sài Gòn rất đông người, ghe thuyền tấp nập trên sông và các con kênh, dễ len lỏi hơn là ở tỉnh. Vừa lúc đó Mai đang tìm đường cho hai cậu em vượt biên, nên đề nghị góp tiền vào việc đóng tàu và tổ chức để gửi hai em đi chuyến ấy.

Gọi là tàu, có lẽ gọi là ghe thì đúng hơn, nhưng là loại ghe đi biển, dài 8 thước, gắn chiếc máy hai « lốc » (do tiếng Pháp « bloc » có nghĩa là khối). Đóng tàu xong cũng chính thức đăng ký ra biển đánh cá, anh Cang và mấy người em vợ tiếp tục đóng vai ngư dân, chính một người em lo lái tàu. Lần này anh Cang chỉ đứng ra tổ chức nhưng không đi vì còn ở lại lo tổ chức chuyến khác.

Đến ngày khởi hành, những người vượt biên (khoảng 15 người, toàn người trong gia đình, thêm hai cậu em của Mai và hai người bạn thân của hai cậu) lần lượt lên ghe trong đêm tối và ẩn núp trong khoang, sáng sớm chiếc ghe rời bến đi đánh cá như mọi ngày, nhưng trực chỉ hải phận quốc tế sau khi qua được các trạm kiểm soát của công an dọc theo sông mà không bị phát hiện.

Suốt tuần lễ sau đó, nỗi lo âu của hai gia đình căng thẳng đến mức nào, người ngoài cuộc khó thể tưởng tượng. Mai lo cho em đến mất ăn mất ngủ, có đêm bị ác mộng, khóc trong mơ và ngày nào Mai cũng đến nhà anh chị Cang nghe ngóng tin tức. Và cuối cùng điện tín đánh về vồn vện vài chữ « Khỏi bệnh, đã xuất viện », mật hiệu cho biết là mọi người đã đến được trại tị nạn. Hai gia đình mừng quá, việc đầu tiên là cúng vái bàn thờ tổ tiên đã phù hộ cho con cháu tai qua nạn khỏi. Quả thật là may mắn khi đi « hoàn toàn chui » mà trót lọt được như thế.

Sau này được biết chuyến đi cũng đã gặp nguy biến cùng cực ngay khi ra khơi được ít lâu, không phải vì bão táp (lúc đó là « tháng ba bà già đi biển » tức là biển lặng) cũng không phải vì gặp cướp biển vì

chưa đến hải phận quốc tế, mà vì bị công an đuổi theo, cô tiếp tục chạy nên bị công an bắn làm một người em vợ của anh Cang, là người lái tàu bị thương ở tay. Chiếc ghe phải ngừng lại, công an lên ghe lấy mất la bàn, lục soát lấy vàng và tiền, dù chẳng có bao nhiêu. Sau đó họ không bắt ghe quay trở về mà thả cho đi tiếp. Rõ ràng là một kiểu ăn cướp công khai. Ghe không còn la bàn, vẫn tiếp tục theo hướng mặt trời và sao mà đi, sau hai ngày may quá gặp một giàn khoan dầu, họ cứu lên giàn khoan sau khi đục chìm ghe (phải đục chìm ghe giàn khoan mới có cơ để cứu người bị nạn). Sau đó tất cả được đưa đến trại tị nạn của HCR trên đảo Pulau Bidong thuộc Mã Lai. Lên đảo rồi nhờ đánh điện tín qua Pháp cho bà cô sống ở Paris, rồi bà cô đánh điện tín từ bên Pháp về, dùng mật hiệu đã định trước.

Năm đó là 1979, trại tị nạn trên hòn đảo Pulau Bidong nhỏ bé chứa tới hơn 40.000 người tị nạn, nên cuộc sống rất vất vả vì đông quá, không đủ chỗ ở cho tất cả mọi người. Hai em trai của Mai sống trên đảo gần 10 tháng trước khi được định cư ở Texas bên Mỹ, do cô em kế của Mai ra đi trước ngày 30 tháng 4-75, đã ổn định cuộc sống ở đây bảo lãnh.

Sau đó đến cô em gái thứ 5 của Mai ra đi với chồng mới cưới được một năm. Hai vợ chồng đi theo diện bán chính thức, phải làm giấy tờ giả là người Hoa, và giá cả rất đắt, 12 cây một người. Cũng may là gia đình chồng đã di tản qua Mỹ trong những ngày cuối tháng tư 75, lúc đó đã có đủ tài chánh để lo cho con trai ra đi cùng với vợ. Trường hợp anh con trai này cũng khá đặc biệt, khi cả gia đình được Mỹ tổ chức cho đi tản bằng máy bay vào những ngày cuối của tháng tư 75, lúc phải cấp tốc lên xe đi đến điểm hẹn thì anh con trai không có nhà, gia đình đành phải bỏ anh ở lại, gần 5 năm sau mới có dịp ra đi. Lúc vượt biên, em gái của Mai đã có bầu, khi đến trại tị nạn ở đảo Galang của Indonesia thì sinh con trong trại này, sau đó cũng qua Mỹ định cư.

Rồi đến hai người em gái thứ 4 và thứ 6 của Mai cũng ra đi « hoàn toàn chui » do anh Cang tổ chức, lần này chiếc ghe lớn hơn một chút và đông người đi hơn, nên cách ra đi cũng phức tạp hơn. Ngày khởi hành, chiếc ghe cũng ra khơi đánh cá nhưng không trở về bến ở Sài Gòn mà tấp vào đầu đó trên một nhánh sông gần cửa biển dùng làm điểm hẹn. Những người vượt biên khoảng 30 người phải dùng « taxi » đi từ Sài Gòn ra chỗ hẹn lúc sáng sớm còn tối đen. « Taxi » là tiếng lóng để chỉ những chiếc thuyền nhỏ của ngư dân chuyên chở người vượt biên từ bến Sài Gòn ra tới điểm hẹn, mỗi thuyền chỉ chở vài người. Sau khi tất cả taxi đến điểm hẹn chuyển khách xong, tàu trực chỉ ra khơi.

Lần trước đã đi thoát, có kinh nghiệm rồi nên lần thứ hai cũng suôn sẻ thoát được lưới kiểm soát của công an. Nhưng khi ra hải phận quốc tế thì bị cướp biển lên tàu lục soát lấy hết vàng và tiền, may là phụ nữ không bị hãm hiếp và không ai thương vong. Cuối cùng đến được trại tị nạn ở Galang, rồi cũng vào định cư ở Texas cùng với hai em trai đi trước.

Và sau cùng, chỉ còn người em gái thứ 3 của Mai, lúc đó đã lấy chồng và mới có con hai tháng, hai vợ chồng ôm đứa con bé bỏng đi chui cùng với hai bà mẹ vợ, mẹ chồng của bạn Mai, cũng đến được trại tị nạn an toàn và định cư ở California.

Thế là trong vòng hai năm 1979 và 1980, tất cả 6 người em của Mai, cùng với 2 người chồng và một đứa con mới hai tháng, đều vượt biên. Rất may mắn là chỉ vượt biên có một lần là thoát ngay, trong khi biết bao người phải trải vi trắc vấp, hụt lên hụt xuống, chưa nói đến cảnh bị tù đày, thậm chí chết chóc hoặc bị thảm như cảnh những người vợ, người con, người em bị hãm hiếp trước mặt chồng hoặc cha anh<sup>7</sup>. Có trường hợp các cô gái bị bắt theo bọn cướp để rồi sau đó bị bán cho những ổ điếm ở các nước chung quanh. Trên các phương tiện truyền thông của người Việt đến mãi sau này vẫn còn những tin nhắn cha mẹ tìm con gái đã bị bắt cóc trong những chuyến vượt biên kinh hoàng này.

Long nghĩ là khi biết tổ chức chu đáo, và gặp người lương thiện thì có nhiều hy vọng thành công hơn. Nhưng cũng không thể không tin vào cái « số » của mình, của bạn mình và tin vào phúc đức của ông bà để lại.

<sup>1</sup> Sở dĩ có chuyện ra đi « bán chính thức » là vì có « vấn đề người Hoa » ở Việt Nam.

Người Hoa đã có mặt tại Việt Nam cũng như nhiều nước khác ở Đông Nam Á từ nhiều thế kỷ. Trước năm 1975, người Hoa nắm gần như toàn bộ nền kinh tế của miền Nam. Họ phải lấy quốc tịch Việt Nam từ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, nhưng họ vẫn giữ nền văn hóa của họ, vẫn giữ tiếng nói cũng như phong tục tập quán. Chợ Lớn là một « thành phố Trung Hoa » cũng như nhiều « China town » khác trên toàn thế giới.

Khi chiến tranh chấm dứt tháng tư năm 1975, chính sách dẹp bỏ sản xuất tư nhân và buôn bán tư nhân trong dòng thác « cách mạng quan hệ sản xuất » làm cho người Hoa không còn đất đứng. Để đối phó lại với chính sách này, họ tự xem mình là công dân Trung Quốc, không phải công dân Việt Nam, lý luận là họ mang quốc tịch Việt Nam chỉ vì bị cưỡng bách thời ông Diệm. Trong Chợ Lớn, họ trung cờ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa ngoài cửa, thay vì cờ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Nhưng chính quyền cộng sản Việt Nam quyết tâm tiếp tục chiến dịch « đánh tư sản », mà đa số tư sản trong Nam chính là người Hoa. Bị tịch thu tài sản, người Hoa đành phải bỏ chạy, ra đi vượt biên.

Nhưng vì họ có nhiều tiền, nên nhà nước nghĩ ra một phương pháp lấy tiền của họ bằng cách tổ chức cho họ ra đi « bán chính thức », nghĩa là khi còn trong nước thì « chính thức » vì công an tổ chức cho họ đăng ký, cho họ lên tàu, nhưng sau khi tàu ra khơi rồi thì « không còn chính thức nữa » vì không có giấy tờ nhập cảnh vào nước nào cả. Trên nguyên tắc nhà nước tổ chức đi bán chính thức cho người Hoa, nhưng nhiều người Việt làm giấy tờ giả người Hoa cũng đi theo cách này, dĩ nhiên là tổn nhiều tiền hơn là đi chui.

Một trường hợp điển hình là chiếc tàu Hải Hồng, một tàu sắt cũ kỹ với 2500 người chèo chát như cá mòi, đi đến hải cảng nào cũng bị từ khước không cho vào. Dư luận quốc tế bị đánh động lòng nhân đạo, cuối cùng các cường quốc phải họp nhau lại và đồng ý nhận người tị nạn, cùng tổ chức các trại tị nạn của Cao Ủy Liên Hiệp Quốc để cứu vớt thuyền nhân. Nhờ vậy mà tàu Hải Hồng được cập bến Hồng Kông sau 45 ngày lênh đênh trên biển cả.

<sup>2</sup> Theo tuyên truyền của Đảng Cộng Sản Việt Nam thì đàn anh Trung Quốc với đàn em Việt Nam có mối tình « vừa là đồng chí vừa là anh em, đời đời bền vững không gì lay chuyển nổi », gắn bó nhau như môi với răng, « môi hở răng lạnh ». Quả thật Bắc Kinh đã là đồng minh của Hà Nội trong cả hai cuộc chiến tranh. Nhưng mâu thuẫn giữa hai đàn anh trong khối cộng sản là Liên Xô và Trung Quốc đã khiến cho các nhà lãnh đạo tại Hà Nội phải khó khăn để tìm cách khéo léo nhận sự giúp đỡ của cả hai bên. Nhưng khi chiến tranh chấm dứt năm 1975, Đảng Cộng Sản Việt Nam ngã hẳn theo Liên Xô, nên quan hệ với Trung Quốc bắt đầu rạn nứt. Trung Quốc đỡ đầu cho phe Khmer đỏ cầm quyền ở Phnom Penh đánh phá biên giới tây nam của Việt Nam, càng ngày càng trầm trọng hơn.

Cuối tháng 12-1978, Đảng Cộng Sản Việt Nam quyết định đem quân xâm lăng Campuchia, đánh đuổi quân Khmer đỏ của Pol Pot và thay vào đó là chính phủ Hun Sen thân Việt Nam. Thay vì sớm rút quân về, Việt Nam đã ở lại Campuchia suốt 10 năm, chỉ rút quân vào năm 1989, nên đã bị dư luận quốc tế lên án nặng nề, và phải gánh chịu cảnh cấm vận làm cho nền kinh tế ngày càng suy sụp thêm.

<sup>3</sup> Ngày 17 tháng 2-1979, quân Trung Quốc vượt biên giới Hoa Việt suốt dọc chiều dài hơn ngàn cây số, tiến sâu vài chục cây số vào nội địa Việt Nam, đi đến đâu tàn phá đến đó, đặc biệt hang Pác Bó, một di tích lịch sử của Đảng Cộng Sản Việt Nam, cũng bị phá tan hoang. Họ cũng dời các cột mốc biên giới về phía Việt Nam làm cho Việt Nam bị mất một phần đất đai, được chính thức hóa trong những cuộc đàm phán về biên giới sau này, khi Đảng Cộng Sản Việt Nam lại phải làm lành với Đảng Cộng Sản Trung Hoa để tiếp tục cầm quyền, trong khi Liên Xô và khối cộng sản Đông Âu đã sụp đổ.

Sau cuộc chiến tranh biên giới này, cả hai bên đều tuyên bố chiến thắng. Đặng Tiểu Bình tuyên bố « đã cho Việt Nam một bài học ».

Tháng 10 năm 1979, 8 tháng sau cuộc xâm lược chớp nhoáng từ phía Bắc, Đảng Cộng Sản Việt Nam cho ra đời một tài liệu mang tên « Sự thật về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc trong 30 năm qua », (Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội 1979). Trích dẫn đoạn đầu trong cuốn sách này :

*« Những hành động thù nghịch công khai của những người lãnh đạo Trung Quốc đối với Việt Nam, mà đỉnh cao là cuộc chiến tranh xâm lược của họ ngày 17 tháng 2 năm 1979, đã làm cho dư luận thế giới ngạc nhiên trước sự thay đổi đột ngột về chính sách của Trung Quốc đối với Việt Nam.*

*Sự thay đổi đó không phải là điều bất ngờ, mà là sự phát triển lô-gích của chiến lược bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của những người lãnh đạo Trung Quốc trong 30 năm qua.*

*Trên thế giới chưa có những người lãnh đạo một nước nào mang danh là « cách mạng », là « xã hội chủ nghĩa » và dùng những lời lẽ « rất cách mạng » để thực hiện một chiến lược phân cách mạng, cực kỳ phân động như những người lãnh đạo Trung Quốc.*

*Trên thế giới chưa có những người lãnh đạo một nước nào về mặt chiến lược đã lật ngược chính sách liên minh, đổi bạn thành thù, đổi thù thành bạn nhanh chóng và toàn diện như những người lãnh đạo Trung Quốc. »*

Nhưng chỉ 11 năm sau, chính những người lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng đã « đổi thù thành bạn nhanh chóng và toàn diện » khi ngó ý bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Trung Quốc chấp nhận và hai phái đoàn Việt Trung gặp nhau tại Thành Đô, thủ phủ của tỉnh Tứ Xuyên trong hai ngày 3 và 4 tháng 9 năm 1990. Phía Việt Nam có Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười, và Cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng Phạm Văn Đồng. Phía Trung Quốc có Giang Trạch Dân, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc và Lý Bằng, Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc.

Nội dung các cuộc bàn thảo được giữ bí mật, nhưng ai cũng hiểu là Đảng Cộng Sản Việt Nam phải cầu cứu đến Đảng Cộng Sản Trung Hoa để tiếp tục sống còn trước trào lưu dân chủ hóa trong khối cộng sản quốc tế, đưa đến sự sụp đổ của Liên Xô và khối cộng sản Đông Âu.

Ngày 2 tháng 9, 2014, 20 cựu giới chức quân nhân gửi kiến nghị lên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang và Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng yêu cầu công bố những ký kết giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc tại hội nghị Thành Đô, vẫn còn giữ bí mật. Họ cho rằng những cam kết đó tổn hại đến chủ quyền đất nước.

Cuối năm 2014, 2 tờ báo Trung Quốc là Tân Hoa Xã và Thời báo Hoàn cầu, đã loan tin rằng ở hội nghị Thành Đô, các nhà lãnh đạo Việt Nam đã "sẵn sàng chấp nhận để Việt Nam làm một khu tự trị của Trung Quốc". Đảng Cộng Sản Việt Nam đã cải chính tin này, cho là "một luận điệu bịa đặt với ý đồ kích động, gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên và trong các tầng lớp nhân dân".

Nhưng hậu quả trước mắt, đến ngày nay (2018), là hội nghị Thành Đô đã là đầu mối đưa đến đất nước Việt Nam bị mất đất, mất hải đảo, mất biển và bị lệ thuộc trầm trọng vào Trung Quốc về kinh tế.

<sup>4</sup> Cuối năm 1978, thảm kịch của chiếc tàu Hải Hồng làm dấy lên tại Pháp phong trào « Un bateau pour le Viet Nam, Một chiếc tàu cho Việt Nam » do những nhân vật trẻ như bác sĩ Bernard Kouchner (đồng sáng lập hội từ thiện Médecins Sans Frontières, Bác sĩ không biên giới) và nhà triết học André Glucksmann, và được những tên tuổi nổi tiếng ủng hộ như hai triết gia Jean-Paul Sartre và Raymond Aron. Với tiền quyền góp được của người dân Pháp, chiếc tàu « Ile de Lumière, đảo Ánh Sáng » thuê của một hãng tàu bên Nouvelle-Calédonie (một thuộc địa của Pháp ở Thái Bình Dương) được sửa chữa thành một chiếc tàu bệnh viện, đến đậu ngoài khơi đảo Pulau Bidong từ tháng 4-1979 chăm sóc người tị nạn. Sau đó tàu Ile de Lumière ra khơi cứu vớt thuyền nhân, cho đến ngày lễ Giáng Sinh 1979 thì tàu trở về thành phố Nouméa ở Nouvelle Calédonie sau khi hoàn tất nhiệm vụ.

Chính tác giả có người bạn thân bên Pháp được tàu Ile de Lumière cứu vớt.

<sup>5</sup> Bên Đức, ủy ban « Một chiếc tàu cho Việt Nam » được thành lập năm 1979 do Christel và Rupert Neudeck (ông là một nhà báo). Thành viên ủng hộ tổ chức này có các nhân vật nổi tiếng của Đức như: Heinrich Böll, Helmut Schmidt, Alfred Biolek, Bruno Ganz, Norbert Blüm và Peter Scholl-Latour. Với tiền quyền góp được, chiếc tàu bệnh viện Cap Anamur được đưa qua Biển Đông cứu giúp thuyền nhân. Với 3 chiếc tàu cùng tên Cap Anamur 1, 2, 3 hơn 11.000 người được cứu vớt và hơn 35.000 người được săn sóc sức khỏe. Thành công vượt bực và bất ngờ của chiếc tàu đã khiến những người chủ trương lập ra hội từ thiện Cap Anamur, hoạt động cứu giúp người tị nạn ở Phi Châu, Á Châu và cả Âu Châu trong hơn 30 năm và hơn 50 nước.

<sup>6</sup> Tàu vận tải Việt Nam Thương Tín vượt biển từ bến cảng Sài Gòn vào ngày 30 tháng tư 1975, chở hơn 650 người, đến Subic Bay bên Phi Luật Tân, sau đó đến đảo Guam thuộc lãnh thổ Hoa Kỳ.

Tại Guam có một số người di tản trước đây nay muốn trở lại Việt Nam vì những lý do khác nhau (phần nhiều là vì gia đình ly tán, kẻ ở người đi). Ngày 16 tháng 10, tàu Việt Nam Thương Tín rời Guam trở về Việt Nam với khoảng 1600 người tự nguyện hồi hương, với thuyền trưởng là cựu Trung Tá Trần Đình Trụ. Ngày 27 tháng 10 tàu cập bến Vũng Tàu, nhưng bị điều ra Nha Trang. Tất cả những người trở về đều bị bắt giam, vì tình nghi là làm gián điệp cho Mỹ.

Nhạc sĩ Trường Sa (tác giả những bản tình ca bất hủ như Rồi Mai Tôi Đưa Em, Xin Còn Gọi Tên Nhau, v.v.) là hạm phó chiến hạm Trường Sa, đã đưa con tàu này đến đảo Guam, nhưng vì gia đình vẫn còn ở Việt Nam nên lên tàu Việt Nam Thương Tín trở về. Ông phải trả giá bằng 9 năm tù.

Riêng ông Trần Đình Trụ bị tù 13 năm, mặc dù sau mấy tháng điều tra, chính quyền cộng sản biết rõ ông chỉ quay về vì tất cả gia đình vợ con vẫn còn ở lại trong nước, chứ không phải về để làm gián điệp cho CIA.

<sup>7</sup> Về thảm cảnh các cô gái bị hãm hiếp và hậu quả sau đó, xin giới thiệu bài viết của Nguyễn Cát Thịnh là một chứng nhân trên một chiếc tàu vượt biên bị hải tặc tấn công. Ông Nguyễn Cát Thịnh là một dược sĩ cùng khóa với tác giả. Bài viết tựa đề « Đứa con lai... hải tặc » : [https://phamngocjlaan.files.wordpress.com/2018/05/nguyencatthinh\\_duaconlaihaitac.pdf](https://phamngocjlaan.files.wordpress.com/2018/05/nguyencatthinh_duaconlaihaitac.pdf)